TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17 – 01 – 2025
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Quốc Bảo

2. Ông Trần Văn Phước

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 326/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc "ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 436/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1939

Địa chỉ: Ấp H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1968

Địa chỉ: Ấp H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

(Ông L, bà N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 10 năm 2024 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn ông Nguyễn Văn L trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị N tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2012, không có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P theo

Giấy chứng nhận kết hôn số 88 ngày 24/6/2020. Thời gian đầu, vợ chồng ông chung sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 10 năm 2023, ông và bà N phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, cuộc sống chung không hạnh phúc. Từ tháng 5 năm 2024, ông và bà N đã ly thân đến nay. Trong thời gian ly thân, ông và bà N không có liên lạc để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà N. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, giải quyết cho ông Nguyễn Văn L ly hôn với bà Nguyễn Thị N. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí, ông Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị N. Khi khởi kiện, bà N trú tại ấp H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, ông L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt ông L và bà N theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị N xây dựng hôn nhân năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu theo giấy chứng nhận kết hôn số 88, cấp ngày 24/6/2020 nên hôn nhân giữa ông L và bà N là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét thấy, theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, theo ông L

xác định thời gian đầu, vợ chồng ông chung sống hạnh phúc. Đến tháng 10 năm 2023, ông và bà N phát sinh mâu thuẫn nên đã ly thân đến nay. Trong thời gian ly thân, ông L và bà N cũng không liên lạc để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà N không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông L, như vậy bà N đã bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân này. Từ đó, cho thấy hôn nhân giữa ông L và bà N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông L, cho ông L được ly hôn với bà N.

[4] Về con chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng. Ông L là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí cho ông Nguyễn Văn L. Bà Nguyễn Thi N không phải chịu án phí.

[7] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Nguyễn Văn L đối với bà Nguyễn Thi N. Cho ông Nguyễn Văn L ly hôn với bà Nguyễn Thi N.

2. Về con chung: Không có, đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Ông Nguyễn Văn L được miễn. Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi Cục THADS huyện Phước Long;
- UBND thị trấn Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Nguyễn Hồng Đào